

Bản án số: 104/2021/HSST
Ngày 08-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Hoàng Đức Cảnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên Thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Hải N, sinh năm 1993; tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 9, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Văn L và bà Đỗ Thị X; có vợ là: Phạm Thị L và 02 con.

Quá trình nhân thân:

Bản án số 77/2017/HSST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 09 tháng tù tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2017, đến ngày 05/02/2018 chấp hành xong (đã xóa án tích).

Ngày 21/10/2016 bị Công an xã H xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (đã xóa).

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/6/2021; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Phạm Thị K, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 ngày 27/3/2021, Bùi Hải N đi trên đường tỉnh lộ 359, thuộc tổ dân phố Bạch Đằng 2, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng đã phát hiện thấy cửa kính phía trước bên phụ xe ô tô biển kiểm soát 15A-XXX.06 (của chị Phạm Thị K, sinh năm 1976, ở thôn 6, xã H, huyện T, Hải Phòng) đang đỗ ở khu vực trước cửa Ngân hàng Techcombank không kéo kín kính, không chốt khóa cửa. N thấy trên ghế phụ có để 01 chiếc túi xách giả da màu đen trắng nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc túi trên. N mở cửa ghế phụ, lấy chiếc túi xách trên, để ở vũng xe mô tô đang điều khiển mang về nhà cất giấu. N mở túi xách kiểm tra thấy có 01 chiếc điện thoại Oppo màu xanh loại màn hình cảm ứng; 01 chiếc ví giả da màu vàng (kích thước 20cm x 10cm) bên trong có 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và các giấy tờ cá nhân (giấy đăng ký xe ô tô, mô tô, căn cước công dân, thẻ ATM) đều mang tên Phạm Thị K; các sổ sách giấy tờ dạy học của chị N. Sau khi lấy được tài sản, N mang tất cả các giấy tờ, sổ sách liên quan đến việc dạy học của chị N đi đốt, ném chiếc túi xách và chiếc ví tại khu vực mương nước gần nhà (không thu hồi được); số tiền chiếm đoạt của chị N, N ăn tiêu một mình. Còn các giấy tờ cá nhân mang tên chị N, N cho vào phong bì, ghi “*Kính gửi cô giáo K*” “*T-XL*” rồi nhờ chị Phạm Thị L (là vợ N) mang đến Trường THCS LM nhờ bảo vệ gửi lại cho chị N. Đến ngày 27/5/2021, chị N đến Cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên trình báo. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 đoạn clip ghi lại hình ảnh N lấy chiếc túi xách của chị N (tiền hành giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa) và đã tạm giữ của của N 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15C1-xxx.10 là phương tiện N điều khiển khi chiếm đoạt tài sản của chị N. Ngày 15/6/2021, N mang trả cho chị N chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 25.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 38/HĐĐGTS ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 01 chiếc túi xách giả da có trị giá 340.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động của chị N trị giá 3.000.000 đồng.

Chị Phạm Thị K khai: Chiếc túi xách chị K có trị giá khoảng hơn 300.000 đồng, chiếc ví giả da đã cũ và những sổ sách giấy tờ dạy học không có giá trị kinh tế lớn nên không yêu cầu định giá, xử lý đối với N. Hiện, chị K đã nhận lại tiền, điện thoại di động và không yêu cầu N bồi thường thêm.

Tại Cơ quan điều tra, N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Khi nhờ vợ mang giấy tờ trả cho chị K, N không nói cho vợ biết là tài sản do phạm tội mà có. Phù hợp với lời khai của chị Phạm Thị L, khi N nhờ mang phong bì gửi cho chị K, chị L không biết là giấy tờ N chiếm đoạt của chị K. Chị L nghĩ là do N nhặt được nên đã mang đến trường trả lại.

Về dân sự: đã giải quyết xong.

Vật chứng: đối với đoạn clip ghi hình N chiếm đoạt tài sản của chị K, quá trình điều tra đã sao lưu vào USB và 01 phong bì thư có ghi dòng chữ bên ngoài “*Kính gửi cô giáo K*” “*T-XL*” của N đựng các giấy tờ cá nhân trả lại chị K chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 16/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Bùi Hải N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Hải N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

Bị hại trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án: Ngày 27/3/2021, chị Phạm Thị K bị mất 01 chiếc túi xách giả da có trị giá 340.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động trị giá 3.000.000 đồng và 25.000.000 đồng. Hiện chị K đã nhận lại đủ số tiền, điện thoại di động, chị K không yêu cầu N bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Hải N từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án. Về dân sự: đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, bị hại không còn yêu cầu bồi thường gì nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15C1-270.10 N đã sử dụng để chiếm đoạt tài sản của chị K. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Phạm Thị L (vợ N), N lấy xe làm phương tiện đi lại, chị L không biết N phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị L sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các Kết luận giám định và Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên, phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 27/3/2021, Bùi Hải N đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc túi xách tay bên trong có 25.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động và nhiều giấy tờ cá nhân khác của chị Phạm Thị K, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 28.340.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và lượng hình: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s và điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy rằng bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo riêng bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì thư bên ngoài có ghi dòng chữ “*Kính gửi cô giáo K*” “*T-XL*” và 01 USB có đoạn clip ghi hình N chiếm đoạt tài sản của chị K, xét đây là tài liệu chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, bị hại không còn yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Hải N 18 (Mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử: Bị cáo Bùi Hải N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- CA huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Án văn, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Đức Cảnh Hoàng Đức Hân

Lương Ngọc Anh

